

Số: /TTr-UBND

Hà Vinh, ngày tháng năm 2022.

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng
xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ các Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ công văn số 2363/UBND-KTHT ngày 02/11/2020 của UBND huyện Hà Trung về việc lập Quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

Căn cứ quyết định số: 7224/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của chủ tịch UBND huyện Hà Trung “Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030”;

Căn cứ công văn số 3136/SXD-QH, ngày 10/5/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc ý kiến về 07 hồ sơ đồ án Quy hoạch chung xây dựng của 7 xã: Hà Tân, Hà Vinh, Hà Tiến, Hoạt Giang, Hà Thái, Hà Đông, Hà Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030; Công văn số 1432/SVHTTDL-DSVH ngày 12/4/2022 của Sở văn hóa, thể thao và du lịch tham gia ý kiến về đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã: Hoạt Giang, Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030; Công văn số 1742/SGTVT-KHTC ngày 09/4/2022 của Sở giao thông vận tải về việc tham gia ý kiến Quy hoạch chung xây dựng các xã Hoạt Giang, Hà Vinh, Hà Tân, Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030; Công văn số 1451/SNN&TTNT-KTTC ngày 21/4/2022 của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc tham gia ý kiến về đồ án Quy hoạch chung xây dựng các xã Hoạt Giang, Hà Vinh, Hà Tân, Hà Đông, Hà Thái, Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Sau khi tổ chức nghiên cứu, thực hiện, UBND xã Hà Vinh kính trình UBND huyện Hà Trung xem xét, phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Vị trí, phạm vi, ranh giới

- Xã Hà Vinh là vùng bán sơn địa nằm ở phía Đông Bắc huyện Hà Trung, cách trung tâm huyện 16 km.

- Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính xã Hà Vinh, ranh giới cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp tỉnh Ninh Bình;
- + Phía Nam giáp huyện Nga Sơn;
- + Phía Đông giáp huyện Nga Sơn;
- + Phía Tây giáp thị xã Bỉm Sơn.

1.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch:

Quy mô diện tích lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Hà Vinh có tổng diện tích là 1.720,07 ha

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

2.1. Mục tiêu quy hoạch

Cụ thể hóa các mục tiêu yêu cầu tại nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch, được UBND huyện Hà Trung phê duyệt tại Quyết định số 7224/QĐ-UBND ngày 20/9/2021.

2.2. Tính chất, chức năng của xã

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch chung xây dựng là một đơn vị hành chính cấp xã hoàn chỉnh với đầy đủ các hoạt động chức năng nhà nước quy định hướng tới đạt và vượt các tiêu chí của xã nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao.

Phát triển công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản, xây mới cụm công nghiệp. Là trung tâm cụm xã, phát triển trồng lúa, trồng cây đặc trưng vùng chim trĩng, dịch vụ nông lâm nghiệp, kết hợp khai thác lại hình dịch vụ nông nghiệp trải nghiệm.

3. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

3.1. Quy mô dân số, lao động

3.1.1. Quy mô dân số

- Dân số hiện trạng là 7.779 người;
- Dân số dự báo:
 - + Đến năm 2025 là 8.546 người;
 - + Đến năm 2030 là 9.390 người.

3.1.2. Quy mô lao động

Dự báo lao động đến năm 2025 là 5.128 người; đến năm 2030 là 5.634 người.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

3.2.1. Về sử dụng đất

- Điểm dân cư nông thôn:
 - + Đất xây dựng công trình nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$;
 - + Đất xây dựng công trình, dịch vụ: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;
 - + Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;
 - + Cây xanh công cộng: $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$;
- Trụ sở cơ quan xã: $\geq 1.000\text{m}^2$;
- Đất xây dựng trường mầm non, quy mô 50 chỗ/1000 dân: $\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ}$;
- Đất xây dựng trường tiểu học, quy mô 65 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$;
- Đất xây dựng trường trung học, quy mô 55 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$;

- Trạm y tế xã: $\geq 500m^2$ /trạm;
(*Có vườn cây thuốc Nam*): $\geq 1000m^2$ /trạm).
- Đất xây dựng nhà văn hóa xã: $\geq 1.000m^2$;
- Đất xây dựng nhà văn hóa thôn: $\geq 200m^2$;
- Đất xây dựng sân thể thao xã: $\geq 1.200m^2$;
- Đất xây dựng sân thể thao thôn: $\geq 300m^2$;
- Đất xây dựng điểm phục vụ bưu chính viễn thông: $\geq 150m^2$.
- Đất xây dựng chợ: $\geq 1.500m^2$ /chợ/xã.

3.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

- Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường $\geq 0,8$ kg;
- Chỉ tiêu cấp nước: ≥ 80 lít/người/ngày;
- Chỉ tiêu thoát nước bản ≥ 80 % lượng nước cấp;
- Chỉ tiêu cấp điện $\geq 150W$ /người/ngày đêm;

3.2.3. Các nội dung khác

Theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT - BXD ngày 19/5/2021 về Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và QCVN 4454:2012 về quy hoạch nông thôn - tiêu chuẩn thiết kế.

4. Phân khu chức năng

4.1. Khu trung tâm xã:

Trên cơ sở các công trình công cộng hiện có xây dựng khu trung tâm xã khang trang có đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công trình công cộng phục vụ nhân dân...

4.2. Hệ thống thôn và các khu dân cư tập trung:

Tôn trọng hình thái ở hiện trạng tại các thôn, cải tạo chỉnh trang hệ thống hạ tầng xã hội và kỹ thuật đảm bảo các tiêu chuẩn ngành, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

4.3. Khu sản xuất, dịch vụ

4.3.1. Khu sản xuất nông nghiệp

Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hà Trung, cũng như điều kiện tự nhiên của xã xác định giai đoạn từ nay đến năm 2030 tại xã Hà Vinh phát triển trồng lúa thâm canh năng suất cao, trồng cây đặc trưng vùng chiêm trũng. Tuy nhiên do yêu cầu phát triển kinh tế của địa phương (làm đường giao thông, mở mới các khu dân cư...) nên diện tích đất nông nghiệp đến năm 2030 giảm, cụ thể: Diện tích đất trồng lúa giảm còn 343,9ha, diện tích đất trồng trọt khác giảm còn 31,71ha, diện tích đất nông nghiệp khác giảm còn 46,39ha.

4.3.2. Khu sản xuất kinh doanh - Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

Nhằm từng bước xây dựng nền kinh tế phát triển bền vững, chuyên dịch cơ cấu kinh tế tăng dần các ngành có tính chất phi nông nghiệp. Trong kỳ quy hoạch từ nay đến năm 2030, sẽ quy hoạch mới cụm công nghiệp Hà Vinh tại thôn Đại Lợi với diện tích 30ha, nâng tổng diện tích đất CN, TTCN, làng nghề lên 30,09ha. Nên chú trọng phát triển các ngành sản xuất như: may mặc, chế biến gỗ, chế biến lương thực ...

4.3.3. Khu vực dịch vụ - thương mại.

Quy hoạch đất dịch vụ thương mại tại thôn Đại Lợi với quy mô diện tích tăng thêm 1,79ha, nâng tổng đất dịch vụ thương mại đến năm 2030 lên 1,93ha. Xây dựng các cửa hàng thân thiện thu hút khách tạo thành điểm dừng nghỉ chân tin cậy trên tuyến đường trục xã.

4.3.4. Khu vực có khả năng phát triển.

Quy đất xây dựng của xã lớn phân bố ở tất cả các thôn, tùy theo nhu cầu cụ thể sẽ quy hoạch các khu vực xây dựng cho phù hợp.

4.4. Khu vực cấm xây dựng, đặc thù và các công trình đầu mối.

- Vùng hạn chế xây dựng: Các khu vực sản xuất nông nghiệp, khu vực này chủ yếu giữ theo hiện trạng, để đảm bảo ổn định diện tích sản xuất nông nghiệp.

- Vùng cấm xây dựng: Bao gồm các vùng xung quanh các đập, sườn đồi, gần bờ sông. Đây là khu vực dễ gặp nạn khi có biến cố thiên tai về khí hậu như mưa bão lớn.

5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã.

5.1. Phân vùng kinh tế.

Xét về mặt tổng quan, không gian kinh tế xã Hà Vinh được phân thành 2 khu vực phát triển kinh tế:

- Vùng 1 (Đường từ KCN Bim Sơn đi đường bộ ven biển Nga Sơn - Hoàng Hóa, đường trục xã ĐX-02): Đây là khu vực trọng điểm phát triển kinh tế của xã. Định hướng khu vực tập trung phát triển các điểm dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp gắn với các điểm dân cư nông thôn.

- Vùng 2: (Khu vực còn lại trong toàn bộ xã) là vùng sản xuất nông lâm nghiệp.

5.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng.

Các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã hiện nay cơ bản đã đáp ứng được những quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng. Định hướng cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Vị trí	Định hướng quy hoạch	Diện tích hiện trạng (m ²)	Diện tích quy hoạch (m ²)	Biến động (Tăng/Giảm)	Định hướng kiến trúc
1	Công sở xã Hà Vinh	Thôn Đông Thị	Chuyển một phần thành đất công cộng DCC1, đất công an	9.737	4.733	-5.004	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với công trình cấp xã ; + chiều cao từ 1 - 3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤40%
2	Trụ sở ban công an xã	Thôn Đông Thị	Quy hoạch mới	0	727	727	Kiến trúc phù hợp với công trình cấp xã ; + chiều cao từ 1 - 3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤40%
3	Đài tưởng niệm	Thôn Đông Thị	Giữ nguyên	601	601	0	

			hiện trạng				
4	Trạm y tế xã Hà Vinh	Thôn Đông Thị	Giữ nguyên hiện trạng	893	893	0	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với công trình cấp xã ; + chiều cao từ 1 - 3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤40%
5	Bru điện xã Hà Vinh	Thôn Đông Thị	Giữ nguyên hiện trạng	725	725	0	
6	Trường học						
6.1	Trường mầm non Hà Vinh	Thôn Đông Thị	Giữ nguyên hiện trạng	4.501	4.501	0	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với quy mô trường chuẩn quốc gia + chiều cao từ 1 - 3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤40%
6.2	Trường tiểu học Hà Vinh 1	Thôn Đại Lợi	Giữ nguyên hiện trạng	10.721	10.721	0	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với quy mô trường chuẩn quốc gia + chiều cao từ 1 - 3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤40%
6.3	Trường tiểu học Hà Vinh 2	Thôn Đông Thị	Giữ nguyên hiện trạng	2.407	2.407	0	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với quy mô trường chuẩn quốc gia + chiều cao từ 1 - 3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤40%
6.4	Trường THCS Hà Vinh	Thôn Đại Lợi	Quy hoạch mở rộng	7.375	8.734	1.359	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với quy mô trường chuẩn quốc gia

							+ chiều cao từ 1 - 3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤40%
7	Chợ Hà Vinh						
7.1	Chợ Hà Vinh cũ	Thôn Đông Thị	Chuyển thành đất thương mại dịch vụ	2.308			
7.2	Chợ Hà Vinh mới (nằm trong đất DCC1)	Thôn Đông Thị	Quy hoạch mới	0	2.990	2.990	
8	Nhà văn hóa thôn						
8.1	Nhà văn hóa thôn Quý Vinh 1 (thôn 1 cũ)	Thôn Quý Vinh	Giữ nguyên hiện trạng	5.136	5.136	0	Kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh
8.2	Nhà văn hóa thôn Quý Vinh 2 (thôn 2 cũ)	Thôn Quý Vinh	Giữ nguyên hiện trạng	7.973	7.973	0	Kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh
8.3	Nhà văn hóa thôn Đại Lợi (thôn 3 cũ)	Thôn Đại Lợi	Giữ nguyên hiện trạng	479	479	0	Kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh
8.4	Nhà văn hóa Lương Thôn (thôn 4 cũ)	Thôn Lương Thôn	Giữ nguyên hiện trạng	2.058	2.058	0	Kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh
8.5	Nhà văn hóa Đông Thị (thôn 5 cũ)	Thôn Đông Thị	Giữ nguyên hiện trạng	479	479	0	Kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh
8.6	Nhà văn hóa thôn Mỹ Quan (thôn 7 cũ)	Thôn Mỹ Quan	Giữ nguyên hiện trạng	687	687	0	Kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh

8.7	Nhà văn hóa thôn Mỹ Quan 1 (thôn 8 cũ)	Thôn Mỹ Quan	Chuyển thành đất ở	1.907			
8.8	Nhà văn hóa thôn Mỹ Quan 2 (thôn 8 cũ)	Thôn Mỹ Quan	Chuyển thành đất ở	258			
8.9	Nhà văn hóa Đông Vinh 1 (thôn 9 cũ)	Thôn Đông Vinh	Giữ nguyên hiện trạng	1495	1.495	0	Kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh
8.10	Nhà văn hóa Đông Vinh 2 (thôn 10 cũ)	Thôn Đông Vinh	Giữ nguyên hiện trạng	1557	1.557	0	Kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh
8.11	Sân kho thôn Đông Vinh (thôn 9 cũ)	Thôn Đông Vinh	Chuyển thành đất ở	315			
8.12	Nhà văn hóa Tây Vinh	Thôn Tây Vinh	Quy hoạch mới		2.468	2.468	Kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh
8.13	Nhà văn hóa thôn Tây Vinh (thôn 11 cũ)	Thôn Tây Vinh	Chuyển thành đất ở	302			
8.14	Nhà văn hóa thôn Tây Vinh (thôn 12 cũ)	Thôn Tây Vinh	Chuyển thành đất ở	446			
9	Sân thể thao						
9.1	Sân thể thao xã Hà Vinh	Thôn Đông Thị	Giữ nguyên hiện trạng	7.024	7.024	0	
9.2	Sân thể thao Mỹ Quan 1 (thôn 7 cũ)	Thôn Mỹ Quan	Giữ nguyên hiện trạng	339	339	0	

9.3	Sân thể thao Mỹ Quan 2 (thôn 7 cũ)	Thôn Mỹ Quan	Giữ nguyên hiện trạng	1.073	1.073	0	
10	Công trình di tích, tôn giáo tín ngưỡng						
10.1	Phủ Suối	Thôn Đông Vinh	Chuyển từ đất tín ngưỡng sang đất di tích	44.888	44.888	0	
10.2	Phủ Mân	Thôn Tây Vinh	Giữ nguyên hiện trạng	2.325	2.325	0	
10.3	Chùa Thanh Vân Tự	Thôn Mỹ Quan	Giữ nguyên hiện trạng	2.591	2.591	0	
10.4	Nhà thờ giáo họ Đa Lợi	Thôn Quý Vinh	Giữ nguyên hiện trạng	1.912	1.912	0	
10.5	Nhà thờ giáo họ Đại Lợi	Thôn Đại Lợi	Giữ nguyên hiện trạng	3.664	3.664	0	
10.6	Nhà thờ giáo xứ kẻ Rùa	Thôn Đông Thị	Giữ nguyên hiện trạng	16.173	16.173	0	
10.7	Nhà thờ giáo xứ Đông Sơn	Thôn Đông Vinh	Giữ nguyên hiện trạng	6.411	6.411	0	

5.3. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch khu dân cư mới và cũ

Trên địa bàn xã hiện nay có 7 thôn, khu vực dân cư tập trung tại các thôn giữ nguyên theo hiện trạng; Ban hành các quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan chung.

- Bố trí quỹ đất xây dựng khu dân cư mới đến năm 2025 với tổng diện tích 13,51ha; Giai đoạn 2026 - 2030 diện tích tăng thêm khoảng 8,42ha; Mật độ xây dựng $\leq 80\%$. Không khống chế tầng cao và hệ số sử dụng đất.

Tổng đất khu dân cư đến 2025 là: 289,74 ha; Tổng đất khu dân cư đến 2030 là: 298,16 ha.

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối

6.1. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1.1. Hệ thống giao thông:

Hệ thống giao thông xã được chia thành hệ thống giao thông đối ngoại và

hệ thống giao thông đôi nội, cụ thể:

***) Hệ thống giao thông đôi ngoại.**

- Đường tỉnh:

+ Đường từ KCN Bim Sơn đi đường bộ ven biển Nga Sơn - Hoằng Hóa: Đoạn chạy qua địa bàn xã có chiều dài 1,441km; Quy mô mặt cắt ngang:

Mặt đường: 12m;

Lộ giới: 60m;

Kết cấu mặt đường : Bê tông nhựa.

***) Hệ thống giao thông đôi nội.**

- Đường trục xã:

Bên cạnh nâng cấp mở rộng 4 tuyến đường hiện trạng, còn Quy hoạch thêm 1 tuyến đường trục xã mới để kết nối liên thông giữa các thôn trong xã thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh. Tổng chiều dài 20,639km. Quy mô mặt cắt ngang:

Mặt đường: 7,5m;

Nền đường: 17,5÷20,5m;

Kết cấu mặt đường: Mặt đường cứng hóa bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng.

- Đường thôn:

Nâng cấp, mở rộng 26 tuyến đường hiện trạng, tổng chiều dài 26,634km. Tùy theo điều kiện cụ thể lựa chọn quy mô mặt cắt ngang cho phù hợp. Quy mô mặt cắt ngang điển hình:

Mặt đường: 5,5m;

Nền đường: 11,5m;

Kết cấu mặt đường: Mặt đường cứng hóa bê tông xi măng

- Đường nội đồng:

Nâng cấp, mở rộng 12 tuyến đường hiện trạng, tổng chiều dài 12,256km. Tùy theo điều kiện cụ thể lựa chọn quy mô mặt cắt ngang cho phù hợp; Mặt đường 3,5m (riêng tuyến 1 mặt đường 13,5m); Nền đường 7,5m (riêng tuyến 1 nền đường 17,5m).

6.1.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

Cao độ nền xây dựng:

- Tôn trọng địa hình tự nhiên; Cao độ các khu dân cư hiện trạng giữ nguyên; Các khu xây dựng mới, cos nền xây dựng phải phù hợp với hiện trạng, khi thiết kế nâng cos nền cần xem xét và nghiên cứu đến khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng cục bộ cho các khu hiện trạng.

- Chỉ không chế cao độ xây dựng tại một số khu vực xây dựng tương đối lớn;

- San nền cục bộ tại các điểm xây dựng nhỏ lẻ;

- Độ dốc san nền: Phải thuận tiện cho giao thông trong khu vực, đảm bảo nước tự chảy;

- Hướng dốc san nền: Hướng về hệ thống kênh mương mới được đầu tư xây dựng.

Định hướng tiêu thoát nước:

Quy hoạch hướng thoát nước chính theo hướng Bắc – Nam, nước theo mương thoát nước dọc các tuyến đường trục xã, trục thôn thoát ra sông Tam Điệp và sông Hoạt.

Để đảm bảo tiêu úng tốt cho các tiểu vùng, trước mắt cần nạo vét khơi dòng các kênh mương thoát nước dọc đường để đảm bảo dòng chảy tốt khi mưa lớn kéo dài. Tiếp tục bố trí vốn đầu tư mới hệ thống kênh tiêu, mở rộng mặt cắt kênh tiêu nước hiện trạng để có thể tiêu thoát nước nhanh khi mưa lớn kéo dài.

6.1.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước và hệ thống cấp nước: Nguồn nước được lấy từ trạm cấp nước sinh hoạt tại thôn Tây Vinh do HTX dịch vụ nông nghiệp Hà Vinh quản lý cấp đến các hộ dân trong xã. Mạng lưới đường ống cấp nước nội bộ được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt, các đường ống đi ngầm dưới vỉa hè hoặc lòng đường, với tiết diện đường ống chính D300, tiết diện đường ống phụ D200.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hỏa đầu nối với đường ống cấp nước có đường kính >D100 mm và khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 150m.

6.1.4. Quy hoạch cấp điện:

Giữ nguyên vị trí các trạm biến áp, và các tuyến đường dây tải điện hiện có, gồm 13 trạm biến áp và đường dây trung thế. Để đảm bảo cho nhu cầu cung cấp điện trong giai đoạn đến năm 2030, nâng cấp công suất các trạm biến áp hiện có và xây dựng mới 3 trạm. Tổng công suất của các trạm biến áp quy hoạch đến năm 2030 là 6.320KVA.

6.1.5. Quy hoạch thoát nước thải vệ sinh môi trường:

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

Nước thải sinh hoạt và sản xuất của xã Hà Vinh được thu gom về trạm xử lý nước thải đặt tại thôn Mỹ Quan để xử lý sau đó thải ra sông Hoạt.

Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thăm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

- Hệ thống xử lý rác thải

+ Cần sử dụng các hình thức tổ hợp vườn, ao chuồng, thùng rác, hầm chứa rác, hồ chứa rác tự phân huỷ, hồ ủ phân trát bùn tại các hộ gia đình để xử lý chất thải rắn từ sinh hoạt, trồng trọt, chăn nuôi.

+ Rác thải trong sinh hoạt và sản xuất kinh doanh trong xã được Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Bim Sơn thu gom xử lý. Xe thu gom rác cần có nắp đậy và kín đảm bảo không gây ô nhiễm.

- Nghĩa trang

Trước mắt trong giai đoạn quy hoạch các nghĩa trang hiện trạng của các thôn vẫn giữ lại, tiếp tục phục vụ nhu cầu an táng cho nhân dân. Cải tạo, chỉnh trang, có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường. Diện tích đất nghĩa trang đến năm 2030 là 20,41ha.

6.2. Hạ tầng phục vụ sản xuất:

Cải tạo nâng cấp các đập, kênh mương hiện có, xây mới kênh tưới, tiêu phục vụ sản xuất hiện đang là kênh đất nhằm chống ngập úng trong những trận mưa bão lớn, đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân. Xây mới, nâng cấp hệ thống cầu, cống để đảm bảo an toàn khơi thông dòng chảy.

7. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

- Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn, đầu tư hệ thống HTKT, HTXH đồng bộ, tạo nguồn lực để đầu tư các hạng mục khác.
 - Nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông trục chính, đầu tư hệ thống rãnh thoát nước, cây xanh, hệ thống chiếu sáng.
 - Xây dựng, cải tạo kiên cố hoá hệ thống kênh mương nội đồng.
 - Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước thải và thoát nước mặt theo hướng đồng bộ - hiện đại.
 - Xây dựng mới trạm biến áp, nâng cấp các trạm biến áp hiện có.
 - Xây dựng mới nhà công an, chợ, nhà văn hóa thôn.
 - Cải tạo, chỉnh trang các công trình công cộng, các khu dân cư hiện có.
- Đề nghị UBND huyện Hà Trung xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Lưu: VT, ĐCXĐ.

CHỦ TỊCH

Mai Hồng Cường